

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **198/2024/DS-ST**
Ngày: 24-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Thị Phụng;**
2. Ông **Nguyễn Văn Tâm;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 182/2024/QĐST-DS ngày 04/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Bích P** – sinh năm xxxx;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T.

Tạm trú: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh T.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh T** – sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp V, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị Bích P trình bày:

Cho chỗ quen biết nên ngày 24/8/2023 chị có cho chị T vay 600.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 1,5/tháng, thời hạn vay 06 tháng, lãi trả hàng tháng và khi vay chị T có làm hợp đồng vay tại Phòng công chứng số 2. Tuy nhiên từ khi vay đến nay chị T không thực hiện trả vốn và lãi như thỏa thuận mặc dù chị đã nhiều lần liên lạc yêu cầu chị T trả nợ. Nay chị khởi kiện yêu cầu chị T trả cho chị số tiền vốn 600.000.000.000 đồng vốn và yêu cầu tính lãi từ ngày 24/8/2023 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1,5%/tháng. Yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Võ Thị Bích P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét việc bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần 1, lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích P, Hội đồng xét xử xét thấy: ngày 24/8/2023 chị P có cho chị T vay 600.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 1,5/tháng, thời hạn vay 06 tháng, lãi trả hàng tháng và khi vay chị T có làm hợp đồng vay tại Phòng công chứng số 2. Tuy nhiên từ khi vay đến nay chị T không thực hiện trả vốn và lãi như thỏa thuận mặc dù chị P đã nhiều lần yêu cầu chị T trả nợ. Nay chị P khởi kiện yêu cầu chị T trả cho chị số tiền vốn 600.000.000 đồng vốn. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị P đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng vay tiền ngày 24/8/2023 ký tại Phòng công chứng số 2. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ kiện, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vắng mặt không lý do. Hợp đồng vay tiền ngày 24/8/2023 có chữ ký của chị T và lời chứng của công chứng viên Phòng công chứng số 2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó. Trong vụ kiện này chị P đã đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp đồng vay tiền ngày 24/8/2023 có chữ ký

của chị T và lời chứng của công chứng viên Phòng công chứng số 2, nếu chị T không thừa nhận các chứng cứ trên thì phải có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, chị T cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, không thể hiện ý chí phản đối các chứng cứ mà chị P đã cung cấp thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó nay chị P khởi kiện yêu cầu chị T trả lại cho chị số tiền vốn 600.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Chị P yêu cầu tính lãi từ ngày 24/8/2023 cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1,5%/tháng. Xét yêu cầu này là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc chị T có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền lãi là $600.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 99.000.000 \text{ đồng}$. Do đó Hội đồng xét xử buộc chị T trả cho chị P số tiền lãi là **99.000.000 đồng**.

[4] Về thời gian trả: Chị P yêu cầu chị T trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do chị P là người cao tuổi nên chị P được xét miễn nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 91, 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469, 357 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích P.

1. Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T trả cho chị Võ Thị Bích P số tiền vốn và lãi tổng cộng là 699.000.000 (sáu trăm chín mươi chín triệu) đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T không chịu trả số tiền trên thì chị T còn phải chịu lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo thỏa thuận của chị P và chị T nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu chị P, chị T không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T chịu 34.950.000 (ba mươi bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cao Tuấn